



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 12 tháng 7 năm 2017

**GIỚI THIỆU**  
**LUẬT QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN CÔNG SỐ 15/2017/QH14**

Ngày 21 tháng 6 năm 2017, tại Kỳ họp thứ 3, Quốc hội khóa XIV đã thông qua Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14.

Luật Quản lý, sử dụng tài sản công được ban hành nhằm thể chế hóa chủ trương, quan điểm của Đảng, Nhà nước về xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chống tham nhũng, huy động, khai thác, sử dụng tiết kiệm có hiệu quả nguồn lực từ tài sản công để phát triển kinh tế - xã hội; mở rộng phạm vi điều chỉnh bảo đảm quản lý chặt chẽ và sử dụng hiệu quả tất cả các loại tài sản công theo quy định tại Điều 53 của Hiến pháp năm 2013; bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ với các luật có liên quan.

Luật Quản lý, sử dụng tài sản công tạo lập những nguyên tắc chung nhất trong quản lý, sử dụng tài sản công; kế thừa những nội dung, quy định hiện hành còn phù hợp, đã được thực hiện ổn định, có hiệu quả trong thực tế; sửa đổi những quy định không còn phù hợp với thực tế và yêu cầu quản lý trong tình hình mới; đổi mới phương thức quản lý, sử dụng tài sản công theo hướng nắm chắc, thống kê, hạch toán đầy đủ tài sản công; coi tài sản công là nguồn lực quan trọng, quy định các cơ chế quản lý, sử dụng tiết kiệm, có hiệu quả, phòng ngừa tham nhũng, thất thoát, lãng phí; xây dựng cơ chế khai thác tài sản công hợp lý gắn với việc huy động các nguồn lực của xã hội cùng Nhà nước đầu tư phát triển, khai thác tài sản công để tạo lập nguồn lực tài chính đóng góp có hiệu quả vào phát triển kinh tế - xã hội; từng bước chuyên môn hóa, chuyên nghiệp hóa công tác quản lý tài sản công, phát triển dịch vụ về tài sản công theo cơ chế thị trường trên cơ sở đảm bảo quyền sở hữu toàn dân về tài sản.

Luật Quản lý, sử dụng tài sản công gồm 10 Chương với 134 Điều, trong đó: 5 chương quy định về các vấn đề chung (Chương I, II, VIII, IX, X); 5 chương quy định chế độ quản lý, sử dụng đối với từng loại tài sản công (Chương III, IV, V, VI, VII). Những nội dung cơ bản của Luật gồm:

**1. Những quy định chung (Chương I):** gồm 11 Điều quy định về phạm vi điều chỉnh và những nội dung chủ yếu: Tài sản công và phân loại tài sản công; chính sách và nguyên tắc quản lý, sử dụng tài sản công; các hình thức khai thác nguồn lực tài chính từ tài sản công; công khai và giám sát của cộng đồng đối với tài sản công; các hành vi bị cấm và xử lý vi phạm trong quản lý, sử dụng tài sản công. Một số nội dung chính như sau:



a) Về phạm vi điều chỉnh của Luật: Với quan điểm Luật này là luật chung điều chỉnh việc quản lý, sử dụng tài sản công, phạm vi điều chỉnh của Luật được quy định như sau: “*Luật này quy định về quản lý nhà nước đối với tài sản công; chế độ quản lý, sử dụng tài sản công; quyền và nghĩa vụ của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân trong việc quản lý, sử dụng tài sản công. Riêng đối với tài sản công là tiền thuộc ngân sách nhà nước, các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, dự trữ ngoại hối nhà nước được quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật có liên quan*”.

b) Quy định một số chính sách, nguyên tắc quản lý, sử dụng tài sản công để phù hợp với mục tiêu, quan điểm xây dựng và phạm vi điều chỉnh của Luật. Trên cơ sở kế thừa các nguyên tắc quy định tại Luật quản lý, sử dụng tài sản nhà nước năm 2008 và các luật có liên quan, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công quy định 07 nhóm nguyên tắc để áp dụng thống nhất trong quản lý, sử dụng tài sản công. Trong đó, chú trọng tới việc giao quyền quản lý, quyền sử dụng hoặc các hình thức trao quyền khác cho cơ quan, tổ chức, đơn vị và đối tượng khác theo quy định nhằm xác định rõ chủ thể quản lý, sử dụng gắn với trách nhiệm của các chủ thể trong quản lý, sử dụng tài sản công; quán triệt nguyên tắc khai thác, sử dụng có hiệu quả tài sản công; tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị phải được sử dụng tiết kiệm, hiệu quả, đúng mục đích, công năng, đối tượng, tiêu chuẩn, định mức, chế độ; việc khai thác nguồn lực tài chính từ tài sản công phải tuân theo cơ chế thị trường để đảm bảo hiệu quả và tính minh bạch của việc khai thác.

c) Bổ sung quy định về giám sát của cộng đồng đối với việc quản lý, sử dụng tài sản công để bảo đảm việc sử dụng, khai thác tài sản đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả, công khai, minh bạch, nâng cao trách nhiệm giải trình.

d) Quy định 10 nhóm hành vi bị nghiêm cấm trong quản lý, sử dụng tài sản công trên cơ sở kế thừa Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước năm 2008 và bổ sung một số hành vi bị nghiêm cấm trong đầu tư xây dựng, mua sắm, giao, thuê, xử lý tài sản công gắn với quy định về việc xử lý vi phạm pháp luật về tài sản công và trách nhiệm của người đứng đầu khi để xảy ra vi phạm.

**2. Nội dung quản lý nhà nước về tài sản công và nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan nhà nước đối với tài sản công (Chương II):** gồm 08 Điều quy định nội dung quản lý nhà nước đối với tài sản công; nhiệm vụ, quyền hạn của Chính phủ, Bộ Tài chính, Bộ, cơ quan trung ương, Kiểm toán nhà nước; nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp đối với tài sản công; thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản công. Theo đó, Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về tài sản công; Bộ Tài chính chịu trách nhiệm trước Chính phủ trong việc thực hiện nhiệm vụ này. Tuy nhiên, tùy theo từng loại tài sản công, nhiệm vụ của Bộ Tài chính và các Bộ, cơ quan trung ương liên quan có sự phân định cụ thể.

**3. Quản lý, sử dụng tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị (Chương III):** gồm 54 Điều được chia thành 7 mục quy định về quản lý, sử dụng tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị; tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản công;



chế độ quản lý, sử dụng tài sản công tại từng loại hình cơ quan, tổ chức, đơn vị (Cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội, cơ quan dự trữ nhà nước). Nội dung của Chương này cơ bản được kế thừa các quy định tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước năm 2008, đưa vào một số quy định tại các nghị định và thông tư hướng dẫn đã được kiểm nghiệm và chứng minh sự phù hợp trong quá trình tổ chức thực hiện như: nguồn hình thành tài sản công; đầu tư xây dựng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp; hạch toán, báo cáo, bảo dưỡng, sửa chữa tài sản; các hình thức xử lý tài sản; sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết... Đồng thời, điều chỉnh, bổ sung một số nội dung chủ yếu sau:

a) Giao thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức đối với xe ô tô công, trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp cho Chính phủ (thay cho thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ như hiện nay); bổ sung các quy định để đảm bảo việc ban hành tiêu chuẩn, định mức được chặt chẽ, công khai, minh bạch. Đồng thời, quy định rõ trách nhiệm tuân thủ, giám sát, kiểm tra việc tuân thủ tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản công trong toàn bộ quy trình đầu tư xây dựng, mua sắm, sử dụng, khai thác, xử lý tài sản công để khắc phục những hạn chế trong quá trình thực hiện thời gian vừa qua.

b) Bổ sung một số hình thức mới trong đầu tư xây dựng, mua sắm, sử dụng, xử lý tài sản công bao gồm: Mua sắm tập trung; đầu tư xây dựng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp theo hình thức đối tác công - tư; khoán kinh phí sử dụng tài sản công; thuê đơn vị có chức năng để quản lý vận hành tài sản công; sử dụng tài sản công để thanh toán cho nhà đầu tư khi thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức hợp đồng xây dựng - chuyên gia; xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại.

c) Bỏ quy định về việc xác định lại giá trị tài sản để giao cho đơn vị sự nghiệp công lập quản lý theo cơ chế giao vốn cho doanh nghiệp để giảm thủ tục hành chính và chi phí xác định lại giá trị tài sản.

d) Điều chỉnh chế độ quản lý, sử dụng tài sản là bất động sản đã giao cho các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp từ cơ chế áp dụng như cơ quan nhà nước theo Luật hiện hành sang cơ chế cho phép tổ chức được khai thác bất động sản đã được Nhà nước giao theo hình thức kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết trong trường hợp chưa sử dụng hết công suất gắn với các điều kiện ràng buộc cụ thể nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng, khai thác tài sản.

đ) Quy định việc xử lý tài sản công khi chuyển đổi mô hình hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập thành doanh nghiệp để đáp ứng yêu cầu đổi mới đơn vị sự nghiệp công lập trong thời gian tới.

**4. Quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng (Chương IV):** gồm 23 Điều được chia thành 5 mục quy định chung về quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ



tàng; hồ sơ, thống kê, kế toán, kiểm kê, đánh giá lại, báo cáo, bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng; khai thác, xử lý tài sản kết cấu hạ tầng; quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng được đầu tư theo hình thức đối tác công – tư. Một số nội dung chính như sau:

a) Tất cả các tài sản kết cấu hạ tầng đều phải được giao cho đối tượng quản lý để xác định chủ thể chịu trách nhiệm trước Nhà nước trong quản lý đối với loại tài sản này. Đối tượng được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng bao gồm: Cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân, doanh nghiệp và đối tượng khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

b) Mọi tài sản kết cấu hạ tầng phải được bảo trì theo tiêu chuẩn, định mức và quy trình kỹ thuật bảo trì nhằm duy trì tình trạng kỹ thuật của tài sản kết cấu hạ tầng, bảo đảm hoạt động bình thường và an toàn khi sử dụng. Tổ chức, cá nhân có nhu cầu và năng lực được đăng ký tham gia thực hiện việc bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng.

c) Quy định các phương thức khai thác tài sản kết cấu hạ tầng bao gồm: (1) đối tượng được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng trực tiếp tổ chức khai thác tài sản kết cấu hạ tầng; (2) Chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng; (3) Cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng; (4) Chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng; (5) Phương thức khác theo quy định của pháp luật. Nhằm định hướng cho việc khai thác tài sản kết cấu hạ tầng có hiệu quả, Luật quy định theo hướng ưu tiên áp dụng các hình thức chuyển giao quyền khai thác cho các tổ chức, cá nhân có chức năng và năng lực thực hiện.

d) Quy định chế độ quản lý, sử dụng đối với tài sản kết cấu hạ tầng được đầu tư theo hình thức đối tác công - tư về các nội dung: bàn giao tài sản kết cấu hạ tầng để thực hiện dự án đối tác công - tư, chế độ báo cáo, chuyển giao tài sản được hình thành thông qua quá trình thực hiện dự án theo hình thức đối tác công - tư cho Nhà nước.

**5. Quản lý, sử dụng tài sản công tại doanh nghiệp (Chương V):** gồm 3 Điều quy định việc quản lý, sử dụng tài sản công tại doanh nghiệp. Theo đó, đối với tài sản công do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý và đã được tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp, việc quản lý, sử dụng được thực hiện theo quy định của Luật quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp.

Đối với tài sản công do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp, Luật quy định một số nội dung quản lý để rõ quyền, trách nhiệm của các cơ quan liên quan, tránh sử dụng lãng phí, thất thoát tài sản, cũng như có cơ chế để quản lý, sử dụng, phát triển nhóm tài sản này gồm: doanh nghiệp có trách nhiệm quản lý, sử dụng tài sản được giao đúng mục đích, công năng sử dụng của tài sản; doanh nghiệp không được sử dụng tài sản để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ dân sự, góp vốn hoặc chuyển giao quyền sở hữu cho tổ chức, cá nhân khác; kinh phí sửa chữa, bảo trì tài sản



(nếu có) do doanh nghiệp bảo đảm, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác; doanh nghiệp có trách nhiệm hạch toán, tính hao mòn tài sản được giao theo quy định của pháp luật; số tiền thu được từ khai thác, xử lý tài sản công được sử dụng để chi trả các chi phí có liên quan, trả nợ vốn vay, vốn huy động (nếu có), thực hiện nghĩa vụ tài chính với Nhà nước theo quy định của pháp luật, phần còn lại được nộp toàn bộ vào ngân sách nhà nước.

**6. Quản lý, sử dụng tài sản của dự án sử dụng vốn nhà nước và tài sản được xác lập quyền sở hữu thuộc về nhà nước (Chương VI):** gồm 13 Điều chia thành 02 mục gồm:

a) Mục 1. Quản lý, sử dụng tài sản của các dự án sử dụng vốn nhà nước: quy định về các nội dung: hình thành tài sản của các dự án sử dụng vốn nhà nước; sử dụng, hạch toán, báo cáo tài sản; hình thức xử lý, thẩm quyền quyết định xử lý tài sản; quản lý, sử dụng tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước.

b) Mục 2. Quản lý, xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân: quy định về các nội dung: thẩm quyền, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản; bảo quản tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân; hình thức xử lý, thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý, trình tự xử lý tài sản.

Các nội dung của Chương này cơ bản được Luật hóa từ các quy định tại Nghị định số 29/2014/NĐ-CP ngày 10/4/2014 của Chính phủ, Chỉ thị số 17/2007/CT-TTg ngày 25/7/2007 của Thủ tướng Chính phủ và các Thông tư hướng dẫn của các Bộ có liên quan.

**7. Quản lý và khai thác nguồn lực tài chính từ đất đai, tài nguyên (Chương VII):** gồm 12 Điều chia làm 2 Mục quy định nguyên tắc chung trong quản lý, sử dụng, khai thác nguồn lực tài chính từ đất đai, tài nguyên; hình thức, phương thức khai thác nguồn lực tài chính từ đất đai, tài nguyên (với vị trí là một loại tài sản công quan trọng).

Đối với đất đai, các hình thức khai thác nguồn lực tài chính bao gồm: thu tiền sử dụng đất; thu tiền thuê đất, thuê mặt nước; thu thuế, phí, lệ phí liên quan đến đất đai; sử dụng quỹ đất để thanh toán cho nhà đầu tư khi thực hiện dự án đầu tư xây dựng các công trình theo hình thức hợp đồng BT; sử dụng giá trị quyền sử dụng đất từ việc khai thác quỹ đất để tạo vốn phát triển kết cấu hạ tầng; các hình thức khác theo quy định của pháp luật.

Đối với tài nguyên, các hình thức khai thác nguồn lực tài chính bao gồm: thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên; thu tiền sử dụng tài nguyên, tiền thuê tài nguyên; thu thuế tài nguyên; thu phí, lệ phí trong quản lý, sử dụng, khai thác tài nguyên và các hình thức khác theo quy định của pháp luật.

Các nội dung khác của chế độ quản lý, sử dụng đất đai, tài nguyên được thực hiện theo quy định tại Luật Tàn sô vô tuyến điện, Luật viễn thông, Luật đất đai, Luật khoáng sản, Luật tài nguyên nước và các luật về tài nguyên khác.



**8. Hệ thống thông tin về tài sản công và Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công Chương (VIII):** gồm 5 Điều quy định về hệ thống thông tin và Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công. Trong đó, trọng tâm là việc hoàn thiện Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công hiện có, gắn với việc mở rộng phạm vi theo hướng kết nối với các cơ sở dữ liệu về tài sản chuyên ngành nhằm bảo đảm tính bao quát, thống nhất; việc tổ chức vận hành thông suốt, an ninh, an toàn và chi phí thấp; Cơ sở dữ liệu này sẽ là kênh cung cấp thông tin tổng hợp quan trọng về tài sản công, đặc biệt là tổng nguồn lực tài sản công, làm cơ sở để các cơ quan nhà nước trong quá trình điều hành vĩ mô, điều hành ngân sách nhà nước, phục vụ Chính phủ điện tử.

**9. Dịch vụ về tài sản công (Chương IX):** gồm 03 Điều quy định nội dung dịch vụ về tài sản công; tổ chức, cá nhân được cung cấp dịch vụ về tài sản công; sử dụng dịch vụ về tài sản công. Theo đó, tổ chức, cá nhân được cung cấp dịch vụ về tài sản công khi đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành (nếu có). Cơ quan, tổ chức, đơn vị khi thực hiện đầu tư, xây dựng, mua sắm, thuê, bảo trì, bảo dưỡng, góp vốn, cho thuê, liên doanh liên kết, bán, chuyển nhượng, thanh lý, tiêu hủy tài sản công... được thuê các tổ chức, cá nhân đủ điều kiện cung cấp dịch vụ để thực hiện nhằm nâng cao tính chuyên nghiệp trong quản lý, xử lý tài sản công.

**10. Điều khoản thi hành (Chương X):** gồm 2 Điều quy định về hiệu lực thi hành và quy định chuyển tiếp. Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2018. Căn cứ quy định tại Luật này, Chính phủ quy định xử lý chuyển tiếp việc sắp xếp lại tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị; xử lý tài sản công; sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết; khai thác tài sản kết cấu hạ tầng theo hợp đồng và các nội dung khác trong quản lý, sử dụng tài sản công bảo đảm các nguyên tắc quy định tại Luật này kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành để bảo đảm tính liên tục của việc thực hiện pháp luật./.

**BỘ TÀI CHÍNH**